

Banitase



1. Thành phần

Thành phần: Một viên thuốc **Banitase** chứa:

- Trimebutine maleate có hàm lượng tương ứng 100 mg.
- Acid dehydrocholic có hàm lượng tương ứng 25 mg.
- Pancreatin có hàm lượng tương ứng 150mg.
- Bromelain có hàm lượng tương ứng 50mg.
- Simethicone có hàm lượng tương ứng 300mg.
- Tá dược vừa đủ một viên.

Nhóm thuốc: Thuốc tiêu hoá.

Dạng bào chế: Viên nang mềm.

2. Tác dụng - Chỉ định của thuốc Banitase

Thuốc Banitase là thuốc gì?

Banitase là thuốc gì? Tác dụng của thuốc Banitase là tác dụng của 5 hoạt chất chính kể trên, vì vậy thuốc có các tác dụng cụ thể như:

- Simethicone

Simethicone có chứa khoảng 4 – 7% Silicon dioxide, là một loại chất lỏng, nhớt vì vậy nó có tác dụng làm giảm sức căng của bề mặt bóng hơi trong niêm mạc ống tiêu hoá, làm xẹp các bóng hơi. Đồng thời, Simethicone còn được dùng để loại bỏ những bọt và khí ở đường tiêu hóa làm giảm triệu chứng đầy hơi, khó tiêu. Simethicone sẽ không được hấp thụ vào cơ thể và đào thải ra bên ngoài theo đường phân.

- **Pancreatin**

Pancreatin là một loại enzyme tụy chứa hỗn hợp các enzym tiêu hóa như Amylase, Protease, trypase được chiết từ tuyến tụy của lợn, bò. Hoạt chất này có tác dụng điều trị những bệnh liên quan đến hoạt động hấp thụ của tụy. Enzyme này có tác dụng giống dịch tụy và khi sử dụng cho những bệnh nhân bị suy tuyến tụy giúp cải thiện khả năng chuyển hoá tinh bột, protein và chất béo.

- **Bromelain**

Bromelain là một loại enzyme phân giải protein. Bromelain cũng trực tiếp phân huỷ fibrin và ức chế sự tổng hợp fibrinogen. Nó cũng ảnh hưởng đến sự tổng hợp prostaglandin, nên có tác dụng kháng viêm. Vì vậy, sử dụng thuốc Banitase tác dụng làm giảm những triệu chứng khó chịu cho bệnh nhân.

- **Trimebutine maleate**

Trimebutine maleate là một hoạt chất chống co thắt có tác động trên cơ đồng thời có các tác dụng chọn lọc trên dây thần kinh trong việc điều trị chứng bệnh rối loạn dạ dày và ruột. Hoạt chất Trimebutine có tác dụng điều hoà sự vận động đường tiêu hoá nên khi bệnh nhân,

- **Acid dehydrocholic**

Acid dehydrocholic có tác dụng giảm tạm thời chứng táo bón do hoạt chất này là một acid mật tổng hợp, nó kích thích bài tiết lipid đường mật.

3. Chỉ định thuốc Banitase

Thuốc Banitase được chỉ định trong các trường hợp:

- Thuốc Banitase có tác dụng điều trị các triệu chứng do rối loạn chức năng ống tiêu hoá và đường mật.
- Thuốc Banitase được chỉ định trên các bệnh nhân có chứng khó tiêu, đầy hơi ở dạ dày và ruột.
- Thuốc còn được sử dụng trên người bị rối loạn tiết acid mật hoặc tụy.
- Điều trị chứng khó tiêu do phẫu thuật dạ dày hoặc do cắt bỏ túi mật.
- Sử dụng thuốc Banitase làm giảm hội chứng ruột kích thích .
- Thuốc giúp điều trị táo bón do nhu động ruột hoặc do mất trương lực ruột.
- Điều trị tiêu chảy chức năng.

4. Liều dùng - Cách dùng thuốc Banitase

Liều dùng thuốc Banitase

Thuốc Banitase sử dụng theo chỉ định của bác sỹ và có liều khuyến cáo như sau:

- Người lớn: 2 viên/ lần, 3 lần/ ngày.

- Trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên/ lần, 3 lần/ ngày.
- Không sử dụng quá 2 tuần nếu không có chỉ định của bác sĩ.

Banitase cách dùng hiệu quả

Thuốc Banitase uống trước hay sau ăn? Banitase nên được uống trước bữa ăn (khoảng 15 phút), uống thuốc với nhiều nước.

Chống chỉ định

Chống chỉ định với người mẫn cảm hoặc có tiền sử dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.

5. Tác dụng phụ

Thuốc Banitase có các tác dụng phụ nhưng hiếm khi xảy ra như:

- Nhịp tim nhanh ở hệ tuần hoàn.
- Cảm giác nóng lạnh.
- Mệt mỏi, khó chịu, nhức đầu, chóng mặt.
- Tiêu chảy, táo bón, buồn nôn, khó tiêu.
- Và với một số người mẫn cảm với các thành phần có trong sản phẩm có thể bị phát ban. Nếu xuất hiện triệu chứng này nên ngưng thuốc.

Trong quá trình sử dụng thuốc nếu thấy có những triệu chứng bất thường, người bệnh hãy ngưng sử dụng thuốc và hỏi ngay ý kiến của bác sĩ để có phương pháp xử lý phù hợp.

6. Tương tác

Sử dụng chung thuốc Banitase với một số thuốc khác có thể xảy ra tương tác thuốc làm giảm hiệu quả sử dụng hoặc tương kỵ thuốc.

Thuốc Banitase có tương tác với các thuốc như:

- Cisaprid: thuốc Banitase có thể gây các tương tác có hại khi dùng cùng các thuốc chứa hoạt chất Cisaprid, thuốc Banitase có thể bị mất tác dụng điều hoà nhu động ruột.
- Procainamid: tác dụng kháng thần kinh phế vị trên sự dẫn truyền thần kinh ở nút nhĩ thất tăng khi dùng chung hai thuốc này.

7. Lưu ý khi sử dụng và bảo quản

Lưu ý và thận trọng

Thuốc Banitase khi sử dụng cần lưu ý:

- Khi sử dụng thuốc ở nhóm bệnh nhân suy giảm chức năng về thận phải thận trọng và tham khảo ý kiến của bác sĩ và người có chuyên môn.
- Chỉ dùng thuốc khi thuốc không bị chảy nước, không có mùi khó chịu, đổi màu,...
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và xem hạn dùng thuốc để tránh tình trạng sử dụng phải thuốc hết hạn.
- Thuốc Banitase chỉ dùng theo khuyến cáo của bác sĩ, không tự ý thay đổi liều lượng dùng thuốc.

- Nếu dùng thêm thực phẩm chức năng, vitamin hay các thuốc khác phải tham khảo ý kiến bác sĩ khi sử dụng thuốc Banitase.

Lưu ý sử dụng trên phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú

Thuốc Banitase chưa có báo cáo chính thức về ảnh hưởng của thuốc lên phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú. Để sử dụng thuốc tốt nhất nên hỏi ý kiến bác sĩ để an toàn khi sử dụng.

Xử trí khi quá liều

Thuốc Banitase chưa có báo cáo về các trường hợp quá liều. Khi thấy có hiện tượng bất thường xảy ra nghi do dùng thuốc quá liều, hãy ngưng sử dụng thuốc và đến cơ sở y tế gần nhất để có giải pháp chữa trị tốt nhất.

Xử trí khi quên liều

Nếu thời gian xa liều kế tiếp thì nên uống bổ sung càng sớm càng tốt.

Nếu gần liều tiếp theo thì bỏ qua liều đó mà uống thuốc như bình thường quy định, không được tự ý gấp đôi liều khi không có chỉ định của bác sĩ.

Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp, nhiệt độ không quá 30 độ C.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Tham khảo thêm thông tin về bảo quản ghi trên nhãn thuốc hoặc có sự tư vấn từ bác sĩ, người có chuyên môn.

8. Tài liệu tham khảo:

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

Dược Thư Quốc Gia Việt Nam

Rx Thuốc bán theo đơn

Đề xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ

BANITASE

SDK: VD-22374-15

◆ **THÀNH PHẦN:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Hoạt chất:

Trimebutine maleate	100 mg
Acid dehydrocholic	25 mg
Pancreatin	150 mg
Bromelain	50 mg
Simethicone	300 mg

Tá dược: Dầu lecithin, Paraffin lỏng, Paraffin rắn, Gelatin, Glycerin đậm đặc, Ethyl vanilin, Nước tinh khiết, Màu vàng số 5, Màu vàng số 203, Màu xanh số 1, Titan dioxide.

◆ **DẠNG BẢO CHẾ:** Viên nang mềm

◆ **DƯỢC LỰC HỌC**

Trimebutine là thuốc chống co thắt có tác động trên cơ, điều chỉnh sự vận động đường tiêu hóa, chất chủ vận enkephalinerigic ở ngoại biên. Trimebutine có tác dụng điều hòa sự vận động đường tiêu hóa: có thể kích thích sự vận động dạ dày, ruột và cũng có thể ức chế sự vận động này nếu trước đó đã bị kích thích.

Acid dehydrocholic, acid mật, giúp giảm tạm thời chứng táo bón và kích thích đường mật.

Pancreatin chứa các enzyme amylase, protease và lipase. Các enzyme này có tác dụng giống dịch tụy và khi dùng cho những bệnh nhân bị suy tuyến tụy cải thiện khả năng chuyển hóa tinh bột, protein và chất béo.

Simethicone làm giảm sức căng bề mặt các bóng hơi trong niêm mạc ống tiêu hóa, làm xẹp các bóng khí này, giúp cho sự tổng hợp trong ống tiêu hóa, làm giảm sự sinh bụng.

Bromelain làm tăng hoạt tính phân hủy fibrin cũng như ức chế sự tổng hợp fibrinogen. Bromelain cũng trực tiếp phân hủy fibrin và fibrinogen. Bromelain làm nồng độ kininogen và bradykinin huyết thanh và mô thấp, và nó cũng ảnh hưởng đến sự tổng hợp prostaglandin, nên có tác dụng kháng viêm. Trong một nghiên cứu thấy bromelain làm giảm bài tiết các tiền chất gây viêm cytokines cũng như chemokines nên có thể có tác dụng trong bệnh viêm loét đại tràng và bệnh Crohn.

◆ **DƯỢC ĐỘNG HỌC**

Trimebutine được hấp thu tốt bằng đường uống, đạt nồng độ tối đa trong máu sau khi uống từ 1-2 giờ. Trimebutine được đào thải nhanh chủ yếu qua nước tiểu: trung bình 70% sau 24 giờ.

Acid dehydrocholic, pancreatin và simethicone không hấp thu qua đường tiêu hóa, chỉ được phân bố vào lumen ruột và đào thải dưới dạng không đổi qua phân.

Bromelain hấp thu hoàn toàn qua đường tiêu hóa, với hơn 40% chất có phân tử lượng cao được phát hiện trong máu sau khi uống. Nồng độ cao nhất của bromelain được tìm thấy trong máu 1 giờ sau khi uống; tuy nhiên, hoạt tính phân giải protein của nó nhanh chóng bị mất hoạt tính.

◆ **CHỈ ĐỊNH**

Khó tiêu ở dạ dày hoặc ruột, rối loạn bài tiết acid mật hoặc tụy, khó tiêu sau khi phẫu thuật dạ dày hoặc phẫu thuật cắt bỏ túi mật, hội chứng ruột kích thích, chứng táo bón có nhu động hoặc mất trương lực, không tiêu do loạn vận động đường tiêu hóa, tiêu chảy chức năng.

◆ **LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG**

Người lớn: 2 viên x 3 lần/ ngày trước khi ăn.

◆ **CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Bệnh nhân mẫn cảm với bất kì thành phần nào của thuốc.

◆ **THẬN TRỌNG**

Do bệnh nhân lớn tuổi thường bị giảm chức năng thận hơn, cho nên cần thận trọng trong việc lựa chọn liều dùng đối với nhóm bệnh nhân này.

◆ **TƯƠNG TÁC THUỐC**

Cisaprid: Tác dụng điều hòa nhu động ruột của thuốc kháng cholinergic có thể bị Cisaprid làm mất đi khi dùng chung hai thuốc này với nhau.

Procaïnamid: Dùng chung Procaïnamid với trimebutine có thể làm tăng tác dụng kháng thần kinh phế vị trên sự dẫn truyền thần kinh ở nút nhĩ-thất.

◆ **SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**

Phụ nữ có thai

Không có nghiên cứu đối chứng tốt và phù hợp trên phụ nữ mang thai. Do đó, chỉ nên sử dụng thuốc này khi chứng minh rõ lợi ích điều trị hơn nguy cơ tiềm tàng cho thai nhi.

Phụ nữ cho con bú

Độ an toàn của thuốc trong thời gian cho con bú chưa được thiết lập. Do đó, nên tránh dùng thuốc trong thời gian cho con bú. Tuy nhiên, nếu thực sự cần thiết, nên ngưng cho con bú.

◆ **ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC**

Chưa có báo cáo thuốc gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

◆ **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN**

Hệ tiêu hóa: hiếm khi xảy ra táo bón, tiêu chảy, buồn nôn, khó tiêu hoặc khô miệng.

Hệ tuần hoàn: hiếm khi xảy ra nhịp tim nhanh.

Hệ tâm- thần kinh: hiếm khi xảy ra mệt mỏi, cảm giác nóng lạnh, chóng mặt, khó chịu, nhức đầu và trạng thái thôi miên nhẹ.

Hệ gan: hiếm khi xảy ra tăng GOT, GPT.

Quá mẫn: hiếm khi xảy ra phát ban. Trong trường hợp triệu chứng này xảy ra, nên ngưng sử dụng thuốc.

** Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.*

◆ **QUÁ LIỀU:** Chưa có báo cáo các trường hợp quá liều.

◆ **BẢO QUẢN:** Bảo quản trong hộp kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

◆ **HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

** Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.*

◆ **ĐÓNG GÓI:** Hộp 12 vỉ x 5 viên nang mềm
Hộp 20 vỉ x 5 viên nang mềm

Sản xuất theo nhượng quyền của:

DAEWON PHARM. CO. LTD.

Tại **CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA**
Số 25, Đường số 8, Khu Công nghiệp Việt Nam-
Singapore, Thuận An, Bình Dương